

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2019/DS-PT

Ngày 31 - 10 - 2019

V/v: Kiện đòi tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tuấn Minh.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Minh Hải.

Bà Tòng Thị Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Đức - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Phạm Minh Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 43/2019/TLPT-TC ngày 27 tháng 9 năm 2019 về việc Kiện đòi tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 05/2019/DS-ST ngày 19 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sơn La bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 45/2019/QĐ-PT ngày 11 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Vũ Sái L1 (tên gọi khác Vũ Xuân L1), bà Sùng Thị L2. Địa chỉ: Bản A, xã B, huyện C, tỉnh Sơn La. Có mặt.

2. Bị đơn: Chị Mùa Thị L3. Địa chỉ: Bản A, xã B, huyện C, tỉnh Sơn La. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Đỗ Văn L4 - Văn phòng Luật sư Đỗ L4 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Sơn La. Có mặt.

3. Người phiên dịch: Bà Mùa Thị M - Cán bộ Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Sơn La. Có mặt.

4. Người kháng cáo: Chị Mùa Thị L3 là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong đơn khởi kiện, các bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Vũ Sái L1 (Vũ Xuân L1) và bà Sùng Thị L2 trình bày:

Ông bà là bố và mẹ đẻ của anh Vũ Minh L5, công tác tại Phòng Chính trị, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Sơn La, tăng cường quân số cho Ban chỉ huy quân sự huyện D để tiện điều trị bệnh. Ngày 10/4/2018, anh L5 chết do mắc bệnh hiểm nghèo, gia đình ông bà đã tổ chức tang lễ cho anh L5.

Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Sơn La và Ban chỉ huy quân sự huyện D đã tổ chức họp và giải thích cho gia đình ông bà về việc giải quyết chế độ đối với anh L5. Theo Luật Bảo hiểm xã hội thì những người được hưởng trợ cấp gồm con chưa thành niên, bố mẹ đẻ, bố mẹ chồng hoặc vợ. Gia đình ông bà đã họp và thống nhất đề nghị Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng thanh toán trợ cấp tuất một lần, đồng thời thỏa L4 giao cho chị Mùa Thị L3 là vợ của anh L5 thay mặt gia đình nhận tiền trợ cấp. Gia đình ông bà chưa thỏa L4 về việc phân chia số tiền này.

Chị L3 đã thay mặt gia đình nhận tổng cộng 683.836.628đ gồm:

- Trợ cấp bảo hiểm xã hội 01 lần 331.783.628đ.
- Trợ cấp khu vực một lần 4.485.000đ.
- Trợ cấp đối với quân nhân tử trận 131.352.000đ.
- Trợ cấp một lần theo Nghị định số 21/2009/NĐ-CP ngày 23/02/2009 của Chính phủ 216.216.000đ.

Sau khi chị L3 nhận tiền, ông bà đã nhiều lần yêu cầu chị L3 trả cho ông bà phần tiền của ông bà được hưởng theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội nhưng chị L3 cố tình không trả.

Do đó, ông bà đã khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc chị Mùa Thị L3 phải trả lại cho ông bà số tiền trợ cấp tuất một lần (chia theo phần ông bà được hưởng) mà chị L3 đã thay mặt ông bà để nhận là 170.000.000đ, trừ đi 20.000.000đ chị L3 đã trả, còn lại 150.000.000đ.

Bị đơn chị Mùa Thị L3 trình bày:

Chị và anh Vũ Minh L5 kết hôn từ năm 1997. Ngày 10/4/2018, anh L5 chết. Căn cứ biên bản họp của các thân nhân ngày 06/5/2018 gồm: Bố mẹ đẻ anh L5 là ông Vũ Sái L1, bà Sùng Thị L2 và bố mẹ chị (bố mẹ vợ anh L5) là ông Mùa Chứ V, bà Sùng Thị V1, chị đã thay mặt gia đình nhận trợ cấp tuất một lần đối với anh L5 với tổng số tiền là 683.836.628 đồng.

Sau khi nhận số tiền nêu trên, chị đã chi sử dụng như sau:

- Chi tổ chức đám tang cho anh L5 hết 97.700.000đ.
- Trả nợ tiền chữa bệnh cho anh L5 30.000.000đ.
- Chi cho các thành viên trong gia đình 47.000.000đ, trong đó đưa cho ông Vũ Sái L1 và bà Sùng Thị L2 20.000.000đ.

- Mua nhà chú Vừ Trường V2 120.000.000đ.
- L5ê thợ làm nhà 70.000.000đ.
- Mua vật liệu, thuê thợ xây tường rào 231.791.000đ.

Còn lại 100.000.000đ.

Đối với số tiền còn lại, nguyện vọng của chị là sử dụng số tiền này để chăm sóc, nuôi dưỡng các con đến khi trưởng thành, không nhất trí chia cho ông Vừ Sái L1 và bà Sùng Thị L2.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 05/2019/DS-ST ngày 19/8/2019, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Sơn La đã quyết định:

Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 201, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 166, Điều 612, khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự; Điều 67, Điều 69 Luật Bảo hiểm xã hội; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức L5, miễn, giảm, L5, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Vừ Sái L1 (tên gọi khác Vừ Xuân L1) và bà Sùng Thị L2.

2. Buộc bị đơn chị Mùa Thị L3 phải trả số tiền 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng) cho nguyên đơn ông Vừ Sái L1 (tên gọi khác Vừ Xuân L1) và bà Sùng Thị L2 là tiền trợ cấp tuất một lần cho thân nhân của anh Vừ Minh L5 mà ông bà được hưởng do chị Mùa Thị L3 đã nhận hộ từ cơ quan Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng. Phương thức thanh toán 01 lần, thời hạn thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án được xác định theo thỏa L4 của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự, nếu không có thỏa L4 thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm quyết định án phí, tuyên quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án dân sự của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 27/8/2019, chị Mùa Thị L3 là bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Sơn La với lý do bản án sơ thẩm không khách quan, không đúng theo quy định của Bộ Quốc phòng.

Tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm:

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại giải

quyết vụ án tranh chấp về việc Kiện đòi tài sản là không đúng yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm không đưa hai con của chị Mùa Thị L3 vào tham gia tố tụng là vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng. Do đó, Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 4 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự hủy bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C và đình chỉ giải quyết vụ án.

Ý kiến của bị đơn chị Mùa Thị L3: Nhất trí với ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, giữ nguyên kháng cáo và không có ý kiến tranh luận.

Ý kiến của nguyên đơn ông Vũ Sái L1 và bà Sùng Thị L2: Nhất trí với quyết định của bản án sơ thẩm và không có ý kiến tranh luận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị: Xét kháng cáo của bị đơn chị Mùa Thị L3 làm trong thời hạn quy định, cần chấp nhận về hình thức và không chấp nhận về nội dung. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 05/2019/DS-ST ngày 19/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Sơn La.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn ông Vũ Sái L1 và bà Sùng Thị L2 là cha đẻ và mẹ đẻ của anh Vũ Minh L5, còn bị đơn chị Mùa Thị L3 là vợ của anh Vũ Minh L5, công tác tại Phòng Chính trị, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Sơn La, tăng cường quân số cho Ban chỉ huy quân sự huyện D để tiện điều trị bệnh. Ngày 10/4/2018, anh L5 chết do mắc bệnh hiểm nghèo. Sau khi anh L5 chết, chị L3 là người đại diện gia đình để nhận tổng số tiền chế độ của anh L5 là 696.836.628đ, trong đó có 13.000.000đ là tiền trợ cấp mai táng. Sau khi chị L3 nhận tiền, ông L1, bà L2 cho rằng ông bà đã nhiều lần yêu cầu nhưng chị L3 không thanh toán cho ông bà số tiền mà ông bà được hưởng trong tổng số tiền chế độ của anh L5. Do đó, ông L1, bà L2 đã khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc chị Mùa Thị L3 phải trả lại cho ông bà số tiền chia theo phần ông bà được hưởng là 170.000.000đ, trừ đi 20.000.000đ chị L3 đã đưa trước, còn lại 150.000.000đ.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Mùa Thị L3 và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị L3 đều có ý kiến cho rằng số tiền chế độ của

anh L5 là di sản, chị L3 và cháu Vừ Tiến T, Vừ Thùy T1 là con chung của chị L3 và anh L5 là những người được hưởng theo di chúc lập ngày 01/3/2018 của anh L5. Nay có tranh chấp thì phải xác định đây là vụ án tranh chấp về thừa kế tài sản, Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý, giải quyết vụ án tranh chấp về việc kiện đòi tài sản là vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng.

Xét thấy, theo quy định tại điểm c mục 1 Nghị quyết số 02/HĐTP ngày 19/10/1990 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về thừa kế thì: *“Những quyền về tài sản gắn liền với người chết như quyền được hưởng trợ cấp thương tật, tiền tuất, tiền cấp dưỡng... thì không phải là di sản”*. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã thụ lý và giải quyết vụ án và xác định mối quan hệ pháp luật là tranh chấp về việc Kiện đòi tài sản và không đưa các cháu Vừ Tiến T, Vừ Thùy T1 vào tham gia tố tụng là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung giải quyết của Tòa án cấp sơ thẩm:

[2.1] Về tổng số tiền chế độ của anh Vừ Minh L5:

Theo đơn khởi kiện, các bản tự khai và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn, bị đơn cung cấp có cơ sở xác định anh Vừ Minh L5, cấp bậc: Trung tá; chức vụ: Trợ lý; đơn vị: Ban Tổ chức, Phòng Chính trị Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Sơn La L5ộc Quân khu 2, chết ngày 10/4/2018 có 20 năm 8 tháng đóng bảo hiểm xã hội. Sau khi anh L5 chết thì chế độ của anh L5 được giải quyết theo các quyết định sau:

- Quyết định số 683/QĐ-BTL ngày 29/6/2018 của Bộ Tư lệnh quân khu 2 (viết tắt là Quyết định 683) về việc trợ cấp đối với quân nhân từ trần với tổng số tiền là 131.352.000đ; Phiếu thanh toán chế độ trợ cấp số 05/PTT-TC ngày 12/9/2018 của Bộ Tư lệnh quân khu 2 (viết tắt là Phiếu thanh toán số 05) với tổng số tiền 216.216.000đ (theo Nghị định số 21/2009/NĐ-CP ngày 23/02/2009 của Chính phủ).

- Quyết định số 315/QĐ-BHXXH ngày 19/7/2018 của Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng (viết tắt là Quyết định 315) về việc hưởng trợ cấp tuất một lần với tổng số tiền là 349.268.628đ (trong đó có 13.000.000đ tiền trợ cấp mai táng phí do người tổ chức mai táng được hưởng, còn lại 336.268.628đ là số tiền tuất chi trả một lần).

Chị Mùa Thị L3 là người đã nhận toàn bộ số tiền nêu trên, tổng cộng là 696.836.628đ, trừ 13.000.000đ tiền trợ cấp mai táng, còn lại 683.836.628đ. Tòa án cấp sơ thẩm xác định là 670.836.628đ là chưa chính xác.

[2.2] Về đối tượng được hưởng tiền chế độ của anh Vừ Minh L5:

* Đối với 131.352.000đ theo Quyết định 683:

Đây là số tiền trợ cấp cho gia đình người từ trần theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Quyết định số 306/2000/QĐ-BQP ngày 09/3/2000 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng (viết tắt là Quyết định 306) quy định chế độ trợ cấp đối với quân

nhân, công nhân viên chức quốc phòng hy sinh, tử trần, bị thương, bị tai nạn không thuộc đối tượng được bồi thường lao động. Tại Điều 1 Quyết định 683 cũng nêu rõ: “Trợ cấp cho bà Mùa Thị L3 ... là vợ của đồng chí Vừ Minh L5” nên có cơ sở xác định chị Mùa Thị L3 là người được hưởng toàn bộ số tiền trợ cấp theo Quyết định 683.

* Đối với số tiền 216.216.000đ theo Phiếu thanh toán số 05:

Đây là số tiền chế độ thân nhân của sĩ quan tử trần được hưởng theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định số 21/2009/NĐ-CP ngày 23/02/2009 của Chính phủ (viết tắt là Nghị định 21) quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sĩ quan quân đội nhân dân Việt Nam về chế độ, chính sách đối với sĩ quan thôi phục vụ tại ngũ; sĩ quan tại ngũ hy sinh, tử trần; sĩ quan tại ngũ chuyển sang quân nhân chuyên nghiệp hoặc công chức quốc phòng.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 10 Thông tư liên tịch số 36/2009/TTLT-BQP-BNV-BLĐTBXH-BTC ngày 21/7/2009 của Bộ Quốc phòng, Bộ Nội vụ, Bộ Lao động - Thương Binh và Xã hội và Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định 21 thì thân nhân của sĩ quan được hưởng chế độ bao gồm: Vợ hoặc chồng; bố đẻ, mẹ đẻ; con đẻ, con nuôi hoặc người nuôi dưỡng hợp pháp.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong vụ án xác định anh Vừ Minh L5 không có con nuôi hoặc người nuôi dưỡng hợp pháp nên xác định đối tượng được hưởng số tiền chế độ theo Phiếu thanh toán số 05 gồm: Chị Mùa Thị L3 là vợ anh L5; ông Vừ Sái L1 và bà Sùng Thị L2 là bố mẹ đẻ anh L5; cháu Vừ Tiến T và Vừ Thùy T1 là 02 con đẻ của anh L5. Tổng cộng có 05 người.

* Đối với số tiền 336.268.628đ tiền tuất chi trả một lần theo Quyết định 315:

Đây là số tiền trợ cấp tuất một lần cho thân nhân của người chết theo quy định tại Điều 67 và 69 Luật Bảo hiểm xã hội. Mặc dù thân nhân thuộc diện được hưởng trợ cấp tuất hàng tháng của anh Vừ Minh L5 có 06 người gồm:

- Con chưa đủ 18 tuổi: Cháu Vừ Thùy T1, sinh ngày 25/01/2004 và cháu Vừ Tiến T, sinh ngày 04/01/2007.

- Cha đẻ, mẹ đẻ của anh L5: Ông Vừ Sái L1 và bà Sùng Thị L2.

- Cha đẻ, mẹ đẻ của chị L3: Ông Mùa Chứ V và bà Sùng Thị V1.

Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 68 Luật Bảo hiểm xã hội thì “số thân nhân được hưởng trợ cấp tuất hàng tháng không quá 04 người” và biên bản họp giữa các thân nhân của anh L5 ngày 06/5/2019 có cơ sở xác định đối tượng được hưởng số tiền tuất chi trả một lần theo Quyết định 315 gồm: Ông Vừ Sái L1 và bà Sùng Thị L2 là bố mẹ đẻ anh L5; ông Mùa Chứ V và bà Sùng Thị V1 là bố mẹ vợ anh L5. Tổng cộng 04 người.

[2.3] Từ sự phân tích, nhận định nêu trên có cơ sở xác định số tiền ông Vừ

Sái L1 và bà Sùng Thị L2 được hưởng trong tổng số tiền chế độ của anh L5 như sau:

Đối với Phiếu thanh toán số 05: Ông Vũ Sái L1 và bà Sùng Thị L2 được hưởng số tiền = $216.216.000đ \times 2/5 = 86.484.400đ$ (1).

Đối với Quyết định 315: Ông Vũ Sái L1 và bà Sùng Thị L2 được hưởng số tiền = $336.268.628đ \times 2/4 = 168.134.314đ$ (2).

Tổng cộng: (1) + (2) = 254.618.714đ.

Tòa án cấp sơ thẩm xác định tổng số tiền ông Vũ Sái L1 và bà Sùng Thị L2 được hưởng là 223.612.209đ là chưa chính xác, cần rút kinh nghiệm.

[2.4] Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Sái L1 và bà Sùng Thị L2:

Xét thấy, theo đơn khởi kiện, ông Vũ Sái L1 và bà Sùng Thị L2 chỉ khởi kiện yêu cầu chị Mùa Thị L3 hoàn trả cho ông bà 170.000.000đ ông bà được hưởng trong tổng số tiền chế độ của anh L5, trừ 20.000.000đ chị L3 đã trả, còn lại 150.000.000đ.

Như đã phân tích tại mục [2.3] thì tổng số tiền mà ông Vũ Sái L1 và bà Sùng Thị L2 được hưởng số tiền là 254.618.714đ, ông L1, bà L2 chỉ đòi 170.000.000đ trên tổng số tiền ông bà được hưởng nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông bà L1 L2, buộc chị L3 phải trả lại cho ông bà số tiền nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Từ sự phân tích, nhận định tại mục [2] xét thấy: Mặc dù trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm có sai sót trong việc xác định số tiền ông Vũ Sái L1 và bà Sùng Thị L2 được hưởng trong tổng số tiền chế độ của anh L5. Tuy nhiên, sai sót này không ảnh hưởng đến đường lối và quyết định của bản án sơ thẩm; không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông L1, bà L2 nên không chấp nhận kháng cáo của chị Mùa Thị L3, giữ nguyên bản án của Tòa án cấp sơ thẩm.

[4] Về án phí: Người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308; khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Không chấp nhận kháng cáo của chị Mùa Thị L3 là bị đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 05/2019/DS-ST ngày 19 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Sơn La như sau:

Căn cứ khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều

39; khoản 2 Điều 201; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 166; Điều 612; khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự; Điều 67; Điều 69 Luật Bảo hiểm xã hội; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức L5, miễn, giảm, L5, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Vũ Sái L1 (Vũ Xuân L1) và bà Sùng Thị L2.

2. Buộc bị đơn chị Mùa Thị L3 phải trả cho nguyên đơn ông Vũ Sái L1 (Vũ Xuân L1) và bà Sùng Thị L2 số tiền 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng) ông bà L1 L2 được hưởng trong tổng số tiền chế độ của anh Vũ Minh L5 mà chị L3 đại diện cho các thân nhân để nhận. Phương thức thanh toán 01 lần, thời hạn thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án được xác định theo thỏa L4 của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự, nếu không có thỏa L4 thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn ông Vũ Sái L1 (Vũ Xuân L1), bà Sùng Thị L2 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được trả lại 15.660.000đ (*mười lăm triệu sáu trăm sáu mươi nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai L5 tiền số AA/2016/0001545 ngày 03/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Sơn La.

Bị đơn chị Mùa Thị L3 phải chịu 7.500.000đ (*bảy triệu năm trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

- Án phí dân sự phúc thẩm:

Chị Mùa Thị L3 phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai L5 tiền số AA/2016/0002664 ngày 30/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Sơn La.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 31/10/2019).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa L4 thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sơn La;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Những người tham gia tố tụng;
- Phòng KTNV&THA;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Tuấn Minh